

Số: /BC7N-TTBVTV

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 24 tháng 10 đến ngày 30 tháng 10 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ trung bình: 30⁰C Cao nhất: 33⁰C Thấp nhất: 28⁰C

Độ ẩm trung bình:..... Cao nhất:..... Thấp nhất:.....

Lượng mưa tổng số:.....

Số giờ nắng tổng số: 07 giờ (09h-15h)

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng:

a. Cây lúa:

Vụ	Diện tích KH (ha)	Trà	Giai đoạn Sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Mùa 2022	12.547,5	Sớm (413 ha)	Trổ-chín	373	
			Thu hoạch	40	40
		Chính vụ (10.694,67 ha)	Đẻ nhánh-LĐ	10.694,67	
			Mạ- ĐN	575	
Tổng				11.682,67	40

b. Cây trồng khác:

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích Kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng (ha)
- Ngô (bắp)	Loa kèn-trái	4.214,1	4.051,6
- Khoai các loại	PTTL- tạo củ	70,8	76,2
- Bobo	PTTL	250	250
- Mì (trồng mới trong vụ)	PTTL-tạo củ	198,5	48,7
- Đậu phộng	PTTL-trái	310	325,4
- Mè	PTTL-trái	83	89
- Cây rau các loại	Nhiều giai đoạn	2.700,2	2.531,7
- Cây đậu các loại	PTTL	1.430,4	1.258,6
- Cây ăn quả:			
+ Nho	Lá - trái, chín - TH	1.124,6	
+ Táo	Cắt cành-mang trái-TH	1.010,3	

- Cây hàng năm khác: (cây gia vị, dược liệu, cỏ chăn nuôi,...)	Nhiều GD	1.551,8	1.794,7
--	----------	---------	---------

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN

1. Cây Lúa: Bệnh đạo ôn lá gây hại trên diện tích 15 ha (tỷ lệ 5-7%), giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng, phân bố tại huyện Ninh Sơn.

2. Cây Bắp: Bệnh gỉ sắt gây hại trên diện tích 04 ha (tỷ lệ 10-15% lá) giai đoạn loa kèn - trái, phân bố tại huyện Ninh Sơn.

3. Cây Nho:

- Bộ trĩ gây hại trên diện tích 05 ha (tỷ lệ 3-5%), phân bố tại huyện Ninh Hải và huyện Ninh Phước.

- Bệnh mốc sương gây hại trên diện tích 13 ha (tỷ lệ 3-7%), phân bố tại huyện Ninh Sơn, Ninh Hải và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Bệnh thán thư gây hại trên diện tích 02 ha (tỷ lệ 5-10%), phân bố tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

4. Cây Táo: Ruồi đục trái gây hại trên diện tích 02 ha (tỷ lệ 4-5%), phân bố tại huyện Ninh Phước.

5. Rau - đậu các loại: Thối nhũn/nha đam gây hại 05 ha (tỷ lệ 3-5%); thán thư/ớt gây hại 01 ha (tỷ lệ 3-5%);

Nhìn chung, trong tuần sinh vật gây hại phát sinh, gây hại ở mức độ nhẹ, nông dân đã chủ động phòng trừ theo hướng dẫn của cán bộ bảo vệ thực vật địa phương.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

- **Cây Lúa:** Lưu ý đối tượng sâu đục thân, bệnh đạo ôn,... gây hại giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng.

- **Cây Bắp:** Tiếp tục theo dõi bệnh gỉ sắt gây hại.

- **Cây Táo:** Lưu ý đối tượng sâu đục trái, ruồi đục trái phát sinh gây hại ở giai đoạn mang trái - thu hoạch.

- **Cây Nho:** Bộ trĩ, bệnh mốc sương và thán thư tiếp tục gây hại giai đoạn cắt cành đến mang trái.

- **Cây Sắn:** Tiếp tục theo dõi bệnh Khảm lá virus.

- **Cây Rau, đậu các loại:** Tiếp tục theo dõi SVGH gây hại.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

- Thực hiện công văn số 413/TTBVTB-BVTV ngày 22/8/2022 về việc “*Hướng dẫn thực hiện công tác Bảo vệ thực vật vụ Mùa 2022*”.

- Thực hiện công văn số 500/TTBVTV-BVTV ngày 17/10/2022 về việc
“Hướng dẫn phòng trừ Ốc sên phát sinh gây hại trên cây trồng”.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV miền Trung (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lãnh đạo Chi cục (b/c);
- Phòng KT, NN&PTNT các huyện/tp (p/h);
- Các Trạm Trồng trọt và BVTV (t/h);
- Lưu HC, P.BVTV.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Dũng

Phụ lục:

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI
(Từ ngày 24/10/2022 đến ngày 30/10/2022)

S T T	Tên sinh vật gây hại	GDST của cây trồng	Mật độ, tỷ lệ (con/m ² , %)		Diện tích nhiễm (ha)					Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Tổng số	Nhẹ	TB	Nặng	Thiệt hại >70% NS		
I	Cây Lúa				15	15	0	0		15	
1	Đạo ôn lá	ĐN-Làm đòng	5-7%		15	15	0	0		15	NS
II	Cây Bắp				04	04	0	0		04	
1	Bệnh gỉ sắt	Loa kèn-trái	10-15%		04	04	0	0		04	NS
III	Cây Nho				20	20	0	0		20	
1	Bọ trĩ	Lá, trái	3-5%		05	05	0	0		05	NP,NH
2	Mốc sương	Lá, trái	3-7%		13	13	0	0		13	NS,NH,PR
3	Thán thư	Lá, trái	5-10%		02	02	0	0		02	PR
IV	Cây Táo				02	02	0	0		02	
1	Ruồi đục trái	Trái	4-5%		02	02	0	0		02	NP
V	Rau, đậu các loại				06	06	0	0		06	
1	Thối nhũn/nha đam	KD	3-5%		05	05	0	0		05	PR
2	Thán thư/ớt	Trái	3-5%		01	01	0	0		01	PR

Ghi chú: NS, PR, NH, NP: Ninh Sơn, Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Hải, Ninh Phước